



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị nhân lực

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001031635	Nguyễn Thế	Hiệp	24/04/2001	QM10B	01	55	6,3	1	Hiệp	lẻ
2	000002	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	01	56	5,3	1	Anh	Chẵn
3	000003	1001030467	Đỗ Thị Phương	Anh	15/01/2004	QT10A	01	57	4,0	1	Anh	lẻ
4	000004	1001030469	Hà Văn	Anh	27/08/2004	QT10A	01	58	6,8	1	Anh	chẵn
5	000005	1001030473	Nguyễn Đức	Anh	19/05/2004	QT10A	01	59	5,3	1	Anh	lẻ
6	000006	1001030478	Nguyễn Phương	Anh	30/09/2004	QT10A	01	60	6,3	1	Anh	Chẵn
7	000007	1001031710	Trần Thị Lan	Anh	05/11/2004	QT10A	01	61	6,5	1	Anh	lẻ
8	000008	1001030492	Vũ Xuân	Anh	03/03/2004	QT10A	01	62	6,0	1	Anh	chẵn
9	000009	1001030494	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	01/02/2004	QT10A	01	63	6,8	1	Ánh	lẻ
10	000010	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	01	64	6,3	1	Ánh	chẵn
11	000011	0901030556	Nguyễn Thị Minh	Ánh	06/10/2003	QT10A	01	65	7,5	1	Ánh	lẻ
12	000012	1001031204	Nguyễn Thị Minh	Chi	08/03/2004	QT10A	01	66	7,0	1	Chi	Chẵn
13	000013	1001030501	Vì Ngọc Hương	Chi	06/01/2004	QT10A	01	67	5,5	1	Chi	lẻ
14	000014	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	01	68	5,0	1	Đạt	chẵn
15	000015	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A	01	69	5,5	1	Diệp	lẻ
16	000016	1001030526	Đoàn Văn	Dung	04/09/2004	QT10A	01	70	6,3	1	Dung	chẵn
17	000017	1001030529	Lê Tùng	Dương	19/06/2004	QT10A	01	71	3,8	1	Dương	lẻ
18	000018	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	01	72	6,3	1	Duyên	chẵn
19	000019	1001030536	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/08/2003	QT10A	01	73	5,5	1	Hà	lẻ
20	000020	1001031468	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2003	QT10A	01	74	5,5	1	Hà	chẵn
21	000021	1001031451	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	29/10/2004	QT10A	01	75	6,3	1	Hạnh	lẻ
22	000022	1001030551	Phạm Thị	Hậu	19/01/2003	QT10A	01	76	5,8	1	Hậu	Chẵn
23	000023	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	01	77	3,8	1	Hiếu	lẻ
24	000024	1001030563	Hàn Thị Bích	Hoài	24/10/2004	QT10A	01	78	4,8	1	Hoài	chẵn
25	000025	1001031238	Lã Thị	Hương	12/08/2001	QT10A	01	79	7,3	1	Hương	lẻ
26	000026	1001030577	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/03/2004	QT10A	01	80	6,0	1	Huyền	chẵn
27	000027	1001030579	Đỗ Thanh	Huyền	31/03/2004	QT10A	01	81	6,3	1	Huyền	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 27.....

Tổng số tờ giấy thi: 27.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 27 tháng 06 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Lê Thị Hằng Nguyễn Thị Hương



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: *Quản trị nhân lực*

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000028	1001030583	Nguyễn Thị	Huyền	29/03/2003	QT10A	01	28	8,5	1	Huyền	chấn
2	000029	1001030593	Hoàng Tiến	Lâm	30/10/2004	QT10A	01	29	9,3	1	Tiến	le
3	000030	0901030558	Nguyễn Thùy	Linh	11/10/2003	QT10A	01	30	8,3	1	Thùy	chấn
4	000031	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	QT10A	01	31	8,8	1	linh	le
5	000032	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	01	32	6,3	1	Mạnh	chấn
6	000033	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	01	33	5,3	1	Nam	le
7	000034	1001030636	Đào Thị	Ngân	26/12/2004	QT10A	01	34	7,8	1	Ngân	chấn
8	000035	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	QT10A	01	35	9,5	1	Ngọc	le
9	000036	1001030651	Hoàng Thị Quỳnh	Như	16/01/2004	QT10A	01	36	8,5	1	Như	chấn
10	000037	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	01	37	5,0	1	Phong	le
11	000038	1001030668	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/12/2004	QT10A	01	38	8,3	1	Thu	chấn
12	000039	1001030672	Nguyễn Minh	Quân	20/02/2004	QT10A	01	39	8,0	1	Quân	le
13	000040	1001031394	Vũ Thị	The	12/03/2004	QT10A	01	40	7,5	1	The	chấn
14	000041	1001031452	Bùi Thị	Thùy	12/12/2004	QT10A	01	41	8,0	1	Thùy	le
15	000042	1001030711	Lê Công	Toàn	26/08/2004	QT10A	01	42	5,0	1	Toàn	chấn
16	000043	1001030713	Lý Thu	Trà	12/01/2004	QT10A	01	43	9,0	1	Trà	le
17	000044	1001030718	Đoàn Thị Khánh	Trang	07/05/2004	QT10A	01	44	6,0	1	Trang	chấn
18	000045	1001031576	Lương Thị Quỳnh	Trang	11/09/2004	QT10A	01	45	6,3	1	Trang	le
19	000046	1001030720	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/03/2004	QT10A	01	46	6,0	1	Trang	chấn
20	000047	1001031730	Vũ Huyền	Trang	14/11/2004	QT10A	01	47	8,5	1	Trang	le
21	000048	1001030730	Đặng Quốc	Tuấn	13/09/2004	QT10A	01	48	5,0	1	Tuấn	chấn
22	000049	1001031328	Nguyễn Thị Chà	Vi	11/02/2004	QT10A	01	49	7,0	1	Vi	le
23	000050	1001030462	Bùi Thị Lan	Anh	04/04/2004	QT10B	02	50	7,3	1	Anh	chấn
24	000051	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	02	51	3,5	1	Anh	tho le
25	000052	1001030493	Doãn Thị Minh	Ánh	16/09/2004	QT10B	02	52	5,3	1	Ánh	chấn
26	000053	1001031197	Lê Thị Nhật	Ánh	25/05/2004	QT10B	02	53	9,3	1	Ánh	le
27	000054	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	02	54	6,3	1	Biên	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 0

Ngày 27 tháng 06 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Hoàng Thị Duyên



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị nhân lực

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000055	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	02	1	3,5	01	Chung	lẻ
2	000056	1001030505	Phan Thành	Công	02/01/2004	QT10B	02	2	7,8	01	Công	chẵn
3	000057	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	02					ĐK
4	000058	1001030517	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/01/2004	QT10B	02	3	4,3	01	Diệu	chẵn
5	000059	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	02					ĐK
6	000060	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	02	4	4,0	01	Dũng	chẵn
7	000061	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	02	5	5,0	01	Duy	lẻ
8	000062	1001030538	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2004	QT10B	02	6	7,5	01	Hà	chẵn
9	000063	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	02	7	6,8	01	Hà	lẻ
10	000064	1001030546	Trần Thị Mỹ	Hạnh	22/11/2003	QT10B	02	8	6,5	01	Hạnh	chẵn
11	000065	1001030552	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/05/2004	QT10B	02	9	8,0	01	Hiền	lẻ
12	000066	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	02	10	5,5	01	Hoa	chẵn
13	000067	1001031237	Đỗ Thu	Hương	08/09/2004	QT10B	02	11	6,3	01	Hương	lẻ
14	000068	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	02					ĐK
15	000069	1001031246	Lô Ngọc	Huyền	06/10/2004	QT10B	02	12	7,0	01	Huyền	lẻ
16	000070	1001030584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/09/2004	QT10B	02	13	4,3	01	Huyền	chẵn
17	000071	1001031258	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2004	QT10B	02	14	6,3	01	Linh	lẻ
18	000072	1001030616	Đỗ Thị Khánh	Ly	02/05/2004	QT10B	02	15	5,3	01	ly	chẵn
19	000073	1001030629	Phạm Thị Trà	My	29/06/2004	QT10B	02	16	7,8	01	My	lẻ
20	000074	1001030904	Cao Quỳnh	Nga	08/01/2004	QT10B	02	17	6,8		Nga	chẵn
21	000075	1001031276	Cao Hồng	Ngọc	19/06/2004	QT10B	02	18	9,0		Ngọc	lẻ
22	000076	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B	02	19	7,0	01	Nguyệt	chẵn
23	000077	1001030650	Ngô Yến	Nhi	02/03/2004	QT10B	02	20	7,5	01	Nhi	lẻ
24	000078	1001030656	Lê Thị Lâm	Oanh	08/09/2004	QT10B	02	21	4,5	01	Oanh	chẵn
25	000079	1001030681	Nguyễn Hữu	Son	08/12/2004	QT10B	02	22	5,0	01	Son	lẻ
26	000080	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	02	23	4,0	01	Thắng	chẵn
27	000081	1001030692	Dương Trường	Thành	26/09/2004	QT10B	02	24	6,0	02	Trường	lẻ
28	000082	1001030717	Đinh Thị Thùy	Trang	12/01/2004	QT10B	02	25	5,5	01	Trang	chẵn
29	000083	1001030719	Hà Thị Thùy	Trang	07/10/2004	QT10B	02	26	5,5	01	Trang	lẻ
30	000084	1001031471	Nguyễn Thị	Trang	24/09/2004	QT10B	02	27	5,0		Trang	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: ...27...

Tổng số tờ giấy thi: ...27...

Tổng số biên bản: ...0...

Ngày tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Bích Thục Bùi Thị Yến